

NỘI DUNG TRỌNG TÂM NGỮ VĂN 7 HỌC KỲ II

TUẦN 6:

TIẾT 1: THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU (TT)

I. Công dụng của trạng ngữ

I, Ví dụ :

a +Thường thường

+Vào khoảng đó

+ Sáng dậy

+Chi độ tám, chín giờ sáng

=>Bổ sung cho câu về thời gian.

+Trên giàn hoa thiên lí

+Trên nền trời trong trong

=> Bổ sung cho câu về địa điểm.

b, Về mùa đông

=> Bổ sung cho câu về thời gian

2 Ghi nhớ : (Sgk/46)

II, Tách trạng ngữ thành câu riêng:

I, Ví dụ: Người Việt Nam ngày nay có lý do đầy đủ và vững chắc để tự hào với tiếng nói của mình. **Và tin tưởng hơn nữa vào tương lai của nó.**

=> **Nhấn mạnh ý.**

2 Ghi nhớ : (SGK/46)

III. Luyện tập:

1,2,3 trang 47-48

TIẾT 2: CÁCH LÀM BÀI VĂN LẬP LUẬN CHỨNG MINH

I, Các bước làm bài văn lập luận chứng minh

* **Đề:** Nhân dân ta thường nói : “Có chí thì nên”. Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ đó.

1, Tìm hiểu đề :

a, Phép lập luận: Chứng minh

b, Nội dung: Có chí thì nên .

2, Tìm ý, lập dàn ý

A, Mở bài

-Nêu vai trò quan trọng của lí tưởng, ý chí, nghị lực trong cuộc sống mà câu tục ngữ nêu ra.

B, Thân bài:

* Lí lẽ:

- Chí là gì?

+Chí là hoài bão ,là lí tưởng tốt đẹp.là chí khí .nghị lực,kiên trì trong cuộc sống.

-Tại sao phải có chí thì mới nên?

+Bất cứ việc gì, dù có vẻ giản đơn nhưng nếu không chuyên tâm, không kiên trì thì khó mà thành công.

+Huống gì trong cuộc sống, ta gặp biết bao điều khó khăn.Nếu gặp khó khăn mà bỏ dở thì ta chẳng làm được gì cả.

->Có chí thì ta mới thành công .

* Dẫn chứng

+ Tấm gương về Bác Hồ

+Nhiều tấm gương trong cuộc sống.

C, Kết bài: Mọi người nên tu dưỡng ý chí.

3,Viết bài:

A ,Viết phần mở bài

- Mở bài trực tiếp

- Mở bài gián tiếp

B, Viết phần thân bài

-Từ ngữ chuyển đoạn

-lí lẽ

-Dẫn chứng

C, Viết phần kết bài:

-Sử dụng từ ngữ chuyển đoạn hoặc nhắc lại ý trong phần mở bài

+Mỗi người nên tu dưỡng ý chí,nghị lực.

4, Đọc và sửa chữa.

Ghi nhớ : (SGK/50)

II. Luyện tập

Đề : Chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ : “Có công mài sắt có ngày nên kim”

Hướng dẫn:

1 Mở bài :+ Nêu vai trò quan trọng của “công”

+ Nhắc lại câu tục ngữ.

2, Thân bài

- Lí lẽ:

+ “Công “ là gì?

+Mài sắt là như thế nào ? Tại sao có công mài sắt lại có ngày nên kim.

-> Giải thích về nghĩa đen và nghĩa bóng

- Dẫn chứng :

+ Lấy các dẫn chứng về những tấm gương có ý chí vượt qua mọi khó khăn để thành công trong cuộc sống

3 Kết bài: +Nhắc lại ý nghĩa câu tục ngữ

+ Liên hệ bản thân

TIẾT 3,4:

CHỦ ĐỀ: DẪN CHỨNG TRONG VĂN LẬP LUẬN CHỨNG MINH (dạy 2/4 Tiết)

A. ĐỨC TÍNH GIẢN DỊ CỦA BÁC HỒ

I. Đọc -Tìm hiểu chú thích

1, Tác giả :

-Phạm Văn Đồng(1906-2000) quê xã Đức Tân , huyện Mộ Đức , tỉnh Quảng Ngãi

b.Tác phẩm:

-Xuất xứ: Trích từ diễn văn: “ Chủ tịch Hồ Chí Minh tinh hoa ... lương tâm của thời đại” mà cố Thủ tướng đã trình bày trong lễ kỷ niệm 80 ngày sinh của Bác.

-PTBD: Nghị luận (CM)

II. Tìm hiểu văn bản

1,Nhận định về đức tính giản dị của Bác.

+ Sự nhất quán giữa đời hoạt động chính trị lay trời chuyển đất với đời sống bình thường vô cùng giản dị và khiêm tốn của Bác

+ Trong 60 năm...giữ nguyên phẩm chất trong sáng,thanh bạch, tuyệt đẹp.

-> **Đối lập**

=> **Ngợi ca đức tính giản dị của Bác.**

2,Chứng minh sự giản dị của Bác.

a, Giản dị trong lối sống

+**Bữa ăn**: chỉ vài ba món,lúc ăn không để rơi vãi hạt nào, ăn xong sắp xếp tươm tất.

+**Cái nhà**: chỉ vài ba phòng luôn lộng gió và ánh sáng

+**Làm việc**: Suốt đời làm việc từ lớn đến nhỏ: cứu nước, cứu dân, trồng cây, viết thư, nói chuyện...

+ **Trong quan hệ với mọi người**: Đặt tên cho người phục vụ...

-> **Liệt kê, dẫn chứng xác thực, nhận xét sâu sắc, dễ hiểu, dễ thuyết phục người đọc**

=> **Đời sống phong phú cao đẹp.**

b Giản dị trong cách nói và viết

+ “không có gì quý hơn độc lập tự do”

“Nước Việt nam...không bao giờ thay đổi”

-> **Giải thích và bình luận.**

=> **Cách nói và viết rất giản dị để quần chúng nhân dân hiểu được, nhớ được, làm được.**

III. Ghi nhớ (Sgk/55)

IV. Luyện tập:

+ Học thuộc phần ghi nhớ

-Sưu tầm những mẫu chuyện, câu, khổ, đoạn thơ nói về sự giản dị của Bác

-Đọc kỹ bài đọc thêm trang 56

B. Ý NGHĨA VĂN CHƯƠNG

I.Đọc-Tìm hiểu văn bản

1,Tác giả:

- Hoài Thanh (1909-1982)

-Quê:Nghệ An

-Nhà phê bình văn học xuất sắc

2,Tác phẩm

-Trích “Bình luận văn chương”

-PTBĐ: Nghị luận

II, Tìm hiểu văn bản

1, Nguồn gốc của văn chương

+ Là lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật muôn loài.

->***Lập luận theo cách quy nạp***

=>***Tình thương là nguồn gốc chính của văn chương***

2, Nhiệm vụ của văn chương

-> Văn chương là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng. chẳng những thế văn chương còn sáng tạo ra sự sống.

->Lập luận theo cách diễn dịch.

=> Văn chương phản ánh và sáng tạo ra sự sống.

3,Công dụng của văn chương

+Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có

+ luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có.

->Lập luận theo cách quy nạp, diễn dịch

=> Văn chương bồi đắp và mở rộng thế giới tình cảm con người.

III, Ghi nhớ

(Sgk/63)

IV, Luyện tập

Làm phần luyện tập trang 63 sgk